

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 01-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khanh
2. Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà T, số 111A P, phường N, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân, Khối quản trị rủi ro VIB (Theo giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017), vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H:

- + Ông Đặng Nhật D – Cán bộ Ngân hàng, có mặt
- + Ông Phan Văn Dũng E – Cán bộ Ngân hàng, vắng mặt
- + Ông Trần Hoàng V – Cán bộ Ngân hàng, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà S, 26 K, phường 25, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 08431.21 ngày 19/4/2021)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1960, vắng mặt
2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 58/6, khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – K đã ký với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D hợp đồng tín dụng số 6698943.19 ngày 16/5/2019 với nội dung V cho ông D và bà D vay số tiền 750.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị trong nhà, thời hạn vay 100 tháng, lãi suất cho vay 11,4%/năm, trả nợ vào ngày 17 hàng tháng. V đã giải ngân hàng ông D, bà D theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6698943(1).19 ngày 17/5/2019 số tiền 750.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà D luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó, V đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 17/3/2020. Tính đến ngày 19/8/2020, ông D và bà D đã trả cho V số tiền 130.640.212 đồng,

trong đó nợ gốc 67.500.000 đồng, nợ lãi 63.140.212 đồng. Ông Dư và bà D còn nợ V số tiền 742.321.934 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 682.500.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 7.474.184 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 52.347.750 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông D và bà D có ký kết hợp đồng thế chấp số 6173203.19 (A) ngày 17/5/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4032088.19 ngày 16/5/2019 với Ngân hàng, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216025, sổ vào sổ cấp GCN: CS12260 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 49m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216056, sổ vào sổ cấp GCN: CS12291 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 19, diện tích 29,6m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Nhà ở cấp 4, diện tích 49m².

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 19/8/2020 là 742.321.934 đồng và lãi quá hạn tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp ông D và bà D không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 182/TB-TLVA ngày 28/12/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 128/TB-TA ngày 10/3/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 171/TB-TA ngày 30/3/2021; Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ số 129/TB-TA ngày 10/3/2021 nhưng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Đặng Nhật D đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D trả các khoản tiền gồm:

+ Nợ gốc: 682.500.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 7.474.184 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn đến ngày 01/6/2022: 270.798.938 đồng.

Tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 02/6/2022 đến khi thanh toán xong nợ vay.

Trường hợp ông D và bà D không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp.

- Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 165, 166 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 01/6/2022 là 960.773.121 đồng (trong đó nợ gốc 682.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.474.184 đồng, nợ lãi quá hạn 270.798.938 đồng).

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì V được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục kê biên, phát mãi tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 216025, số vào sổ cấp GCN:CS 12260 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 167, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản gắn liền với đất số CD 216056, sổ vào sổ cấp GCN:CS 1229 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D phải nộp 1.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D nộp 40.823.000 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP N 16.846.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0010640, ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/5/2022, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay ông D, bà D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, ông D, bà D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 16/5/2019, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N hợp đồng tín dụng số 6698943.19, số tiền vay 750.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua sắm trang thiết bị trong nhà, thời hạn vay 100 tháng, lãi suất cho vay 11,4%/năm, trả nợ gốc và lãi vào ngày 17 hàng tháng.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay ông D và bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tổng cộng là 130.640.212 đồng (vốn gốc: 67.500.000 đồng, lãi vay: 63.140.212 đồng) nhưng sau đó ông D và bà D không tiếp tục trả nợ vay. Do đó, ngày 17/3/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến thời điểm hiện nay, ông D và bà D còn nợ lại số tiền vốn gốc là 682.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay ông D và bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng vẫn chưa trả số tiền vốn gốc còn nợ nên buộc ông D và bà D phải trả số tiền vốn gốc 682.500.000 đồng cho Ngân hàng.

[3] Đối với số tiền lãi, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mức lãi suất là 11,4%/năm. Đến thời điểm hiện nay số tiền lãi trong hạn ông D và bà D còn chưa thanh toán là 7.474.184 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả”. Do đó, buộc ông D và bà D phải trả số tiền lãi đến hạn cho Ngân hàng là 7.474.184 đồng.

Ngoài ra, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nếu ông D và bà D chậm thanh toán khi Hợp đồng đến hạn thì phải trả lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay. Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả”. Do đó, buộc ông D và bà D phải trả số tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng đến ngày 01/6/2022 là 270.798.938 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 02/6/2022 tính trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

[4] Để đảm bảo cho khoản vay, ông D và bà D có ký kết Hợp đồng thế chấp số 6173203.19 (A) ngày 17/5/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4032088.19 ngày 16/5/2019 với Ngân hàng, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216025, sổ vào sổ cấp GCN: CS12260 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 49m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216056, sổ vào sổ cấp GCN: CS12291 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 19, diện tích 29,6m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Nhà ở cấp 4, diện tích 49m².

Theo thỏa thuận tại Điều 9 của hợp đồng thế chấp số 6173203.19 (A) khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phía Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp, thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 49 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 47 và khoản 2 Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự thì người nhận thế chấp tài sản sẽ được ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản thế chấp. Do đó, trường hợp ông D và bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo 02 Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng, buộc ông D và bà D phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông D và bà D phải nộp 1.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Buộc ông D và bà D phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, án phí: 40.823.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 47, khoản 2 Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 49 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

1. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N các khoản tiền như sau:

- Nợ gốc: 682.500.000 đồng (Sáu trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 7.474.184 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bốn đồng).

- Nợ lãi quá hạn đến ngày 01/6/2022: 270.798.938 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 02/6/2022 tính trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6698943.19 ngày 16/5/2019 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương

mại Cổ phần N được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6173203.19 (A) ngày 17/5/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4032088.19 ngày 16/5/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216025, sổ vào sổ cấp GCN: CS12260 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 49m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 216056, sổ vào sổ cấp GCN: CS12291 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/3/2016 cho ông Nguyễn Văn D tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 19, diện tích 29,6m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Nhà ở cấp 4, diện tích 49m².

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông D và bà D phải nộp 1.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị D phải chịu 40.823.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 16.846.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010640 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đường sự: 03
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy